

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *188* /2021/QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày *10* tháng *12* năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế xây dựng và quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng
Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Quảng Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 54/2016/QĐTTg ngày 19/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã;

Căn cứ Thông tư số 41/2017/TT-BTTTT ngày 19/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định sử dụng chữ ký số cho văn bản điện tử trong cơ quan nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 1334/TTr-STTTT ngày 08/11/2021 và Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng và quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan hành chính nhà nước Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Chủ

↙

tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm soát TTHC (VP Chính phủ);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PT&TH, Báo Quảng Bình;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ An Phong



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Xây dựng và quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng
Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Quảng Bình**

*(Kèm theo Quyết định số 188 /2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2021
của UBND tỉnh Quảng Bình)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về việc tổ chức xây dựng và quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Quảng Bình (sau đây viết tắt là Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh) theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước (sau đây viết tắt là Nghị định số 09/2019/NĐ-CP).

2. Các chế độ báo cáo được triển khai trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh áp dụng tại Quy chế này bao gồm:

a) Các chế độ báo cáo tổng hợp định kỳ, chuyên đề, đột xuất về tình hình kinh tế - xã hội phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh do UBND tỉnh ban hành hoặc theo yêu cầu tích hợp lên Hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

b) Các chế độ báo cáo định kỳ phục vụ quản lý nhà nước chuyên ngành áp dụng đặc thù tại tỉnh Quảng Bình do UBND tỉnh ban hành dưới hình thức văn bản quy phạm pháp luật.

c) Không áp dụng đối với chế độ báo cáo thuộc hệ mật theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước, các chế độ báo cáo định kỳ chuyên ngành do các Bộ chuyên ngành ban hành và xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo chuyên ngành áp dụng chung trên phạm vi toàn quốc.

3. Khuyến khích áp dụng triển khai trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh các chế độ báo cáo chuyên đề, đột xuất phục vụ quản lý nhà nước chuyên ngành do các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh ban hành; các chế độ báo cáo tổng hợp định kỳ về tình hình kinh tế - xã hội phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của cấp huyện do UBND cấp huyện ban hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan hành chính nhà nước các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh; các cơ quan nhà nước Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động kết nối, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tình để thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, chuyên đề, đột xuất về tình hình kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và theo yêu cầu quản lý nhà nước; các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

2. Cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị được quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Các khái niệm “hệ thống thông tin báo cáo quốc gia”, “hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ”, “hệ thống thông tin báo cáo bộ, cơ quan, địa phương” thực hiện theo quy định tại các khoản 5, 6 và 7 Điều 3 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

2. Các khái niệm “chế độ báo cáo định kỳ”, “chế độ báo cáo chuyên đề”, “chế độ báo cáo đột xuất” thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

3. Các khái niệm “ký số”, “chữ ký số”, “chứng thư số” thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số; các khái niệm “thiết bị lưu khóa bí mật”, “phần mềm ký số”, “phần mềm kiểm tra chữ ký số” thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 41/2017/TT-BTTTT ngày 19/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định sử dụng chữ ký số cho văn bản điện tử trong cơ quan nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 41/2017/TT-BTTTT).

4. Tài khoản là tên (username) và mật khẩu (password) được cấp cho cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân để đăng nhập và khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng và quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh

1. Nguyên tắc xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư công nghệ thông tin, bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả, đồng bộ, tránh chồng chéo, lãng phí.

b) Tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan và bảo đảm khả năng kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin thông suốt với các hệ thống

thông tin báo cáo của Chính phủ và các Bộ chuyên ngành trong Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

c) Việc xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh phải đáp ứng yêu cầu thực hiện chế độ báo cáo kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện (trong trường hợp được triển khai theo khoản 3 Điều 1 Quy chế này) và làm nền tảng hỗ trợ thiết lập, triển khai, tích hợp, chia sẻ dữ liệu các chế độ báo cáo quản lý nhà nước chuyên ngành khi có nhu cầu. Các chức năng, tính năng của Hệ thống phải tiện ích, dễ khai thác, sử dụng; thiết kế phần mềm được tối ưu hóa kết hợp với phần cứng hạ tầng kỹ thuật, công nghệ đủ mạnh để bảo đảm cho Hệ thống hoạt động với hiệu năng xử lý cao và hiệu suất làm việc phù hợp.

2. Nguyên tắc quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật về ứng dụng công nghệ thông tin, văn thư, lưu trữ, an toàn, an ninh thông tin và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Tuân thủ các nguyên tắc, yêu cầu về ban hành, thực hiện chế độ báo cáo, cập nhật, khai thác dữ liệu trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh và trong Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

c) Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh phải đảm bảo hoạt động liên tục, thông suốt, ổn định, nhanh chóng, thuận lợi.

Chương II

XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC, SỬ DỤNG HỆ THỐNG THÔNG TIN BÁO CÁO TỈNH

Điều 5. Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh

1. Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh được thiết lập theo mô hình tập trung tại Trung tâm dữ liệu điện tử của tỉnh (đặt tại Sở Thông tin và Truyền thông) hoặc trên nền tảng điện toán đám mây và kết nối thông qua mạng cục bộ, mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet để hỗ trợ quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, sao lưu, kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu; có tên miền truy cập là *baocao.quangbinh.gov.vn* với giao diện ngôn ngữ tiếng Việt và *e-report.quangbinh.gov.vn* với giao diện ngôn ngữ tiếng Anh (nếu có).

2. Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh được xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện đáp ứng các yêu cầu về chức năng, tính năng kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông; bảo đảm yêu cầu tích hợp phần mềm ký số, phần mềm kiểm tra

chữ ký số theo quy định tại Thông tư số 41/2017/TT-BTTTT hoặc thực hiện kết nối, liên thông với Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh để ký số báo cáo điện tử theo yêu cầu; đồng thời phải đáp ứng các quy định về xây dựng và quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng tại Quy chế này và các yêu cầu hỗ trợ công tác quản lý nhà nước trong thực hiện các chế độ báo cáo.

Điều 6. Thiết lập, cập nhật Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh

1. Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quy định tại Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg ngày 19/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (sau đây viết tắt là Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg) phải được thiết lập sẵn sàng trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh, làm hệ thống chỉ tiêu gốc để thiết lập các Hệ thống chỉ tiêu báo cáo tình hình kinh tế - xã hội định kỳ, chuyên đề, đột xuất các cấp của tỉnh.

2. Sở Thông tin và Truyền thông thường xuyên theo dõi, tổ chức cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã khi được ban hành sửa đổi, bổ sung trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

3. Cục Thống kê tỉnh có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin về Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã cho Sở Thông tin và Truyền thông khi có thay đổi, sửa đổi, bổ sung.

4. Kinh phí thiết lập, cập nhật Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã lên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh do ngân sách tỉnh chi trả.

Điều 7. Thiết lập, cập nhật Hệ thống chỉ tiêu báo cáo, chế độ báo cáo, mẫu biểu báo cáo, mẫu biểu nhập liệu đối với Chế độ báo cáo tổng hợp định kỳ về tình hình kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh

1. Chế độ báo cáo tổng hợp định kỳ về tình hình kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh áp dụng trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh phải được UBND tỉnh ban hành hoặc theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tích hợp lên Hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia; phù hợp với quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh theo nhiệm vụ được giao chủ trì tham mưu UBND tỉnh ban hành Hệ thống chỉ tiêu báo cáo, chế độ báo cáo, biểu mẫu báo cáo tổng hợp định kỳ về tình hình kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

3. Căn cứ vào Hệ thống chỉ tiêu báo cáo, chế độ báo cáo, biểu mẫu báo cáo tổng hợp định kỳ được UBND tỉnh ban hành tại các khoản 1 và 2 Điều này, Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan thiết lập, cập nhật Hệ thống chỉ tiêu báo cáo, chế độ báo cáo, mẫu biểu báo cáo, mẫu biểu nhập liệu định kỳ trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.



4. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các cơ quan nhà nước Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh được giao tổ chức triển khai Hệ thống thông tin báo cáo chuyên ngành của Bộ chuyên ngành có trách nhiệm làm đầu mối, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện kết nối, liên thông giữa Hệ thống thông tin báo cáo chuyên ngành của Bộ chuyên ngành với Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh để chia sẻ, khai thác thông tin, dữ liệu báo cáo thay cho việc cập nhật dữ liệu báo cáo thủ công.

5. Kinh phí thiết lập, cập nhật Hệ thống chỉ tiêu báo cáo, chế độ báo cáo, mẫu biểu báo cáo, mẫu biểu nhập liệu định kỳ tại các khoản 3 và 4 Điều này do ngân sách tỉnh chi trả.

Điều 8. Thiết lập, cập nhật chế độ báo cáo, mẫu biểu báo cáo, mẫu biểu nhập liệu đối với Chế độ báo cáo tổng hợp chuyên đề, đột xuất về tình hình kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh

1. Chế độ báo cáo chuyên đề, đột xuất về tình hình kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh áp dụng trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh phải được UBND tỉnh ban hành; phù hợp với quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

2. Sở, ban, ngành cấp tỉnh, các cơ quan nhà nước Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh được UBND tỉnh giao chủ trì xây dựng Chế độ báo cáo chuyên đề, đột xuất:

a) Tham mưu UBND tỉnh ban hành chế độ báo cáo, biểu mẫu báo cáo chuyên đề, đột xuất về tình hình kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

b) Thiết lập, cập nhật các chế độ báo cáo, mẫu biểu báo cáo, mẫu biểu nhập liệu được UBND tỉnh ban hành thông qua chức năng, tiện ích hỗ trợ thiết kế báo cáo động sẵn có của Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh để yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh.

3. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm hướng dẫn sở, ban, ngành tại điểm b khoản 2 Điều này sử dụng chức năng, tiện ích hỗ trợ thiết kế báo cáo động sẵn có của Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

4. Kinh phí thiết lập, cập nhật chế độ báo cáo, mẫu biểu báo cáo, mẫu biểu nhập liệu tại điểm b khoản 2 Điều này do các sở, ban, ngành tự bảo đảm trong dự toán chi thường xuyên đã được ngân sách bố trí.

Điều 9. Thiết lập, cập nhật Hệ thống chỉ tiêu báo cáo, chế độ báo cáo, mẫu biểu báo cáo, mẫu biểu nhập liệu đối với Chế độ báo cáo định kỳ phục vụ quản lý nhà nước chuyên ngành áp dụng đặc thù tại tỉnh Quảng Bình

1. Trường hợp một số lĩnh vực đặc thù cần thiết bổ sung Hệ thống chỉ tiêu báo cáo, chế độ báo cáo định kỳ phục vụ quản lý nhà nước chuyên ngành ngoài Hệ thống chỉ tiêu báo cáo, chế độ báo cáo định kỳ do các Bộ chuyên ngành đã ban

hành và xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo chuyên ngành áp dụng chung trên phạm vi toàn quốc, các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh xây dựng, tham mưu UBND tỉnh ban hành Hệ thống chỉ tiêu báo cáo, chế độ báo cáo, biểu mẫu báo cáo định kỳ phục vụ quản lý nhà nước chuyên ngành áp dụng đặc thù tại tỉnh Quảng Bình dưới hình thức văn bản quy phạm pháp luật; đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg.

2. Căn cứ vào Hệ thống chỉ tiêu báo cáo, chế độ báo cáo, biểu mẫu báo cáo định kỳ đặc thù được UBND tỉnh ban hành tại khoản 1 Điều này, Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan thiết lập, cập nhật Hệ thống chỉ tiêu báo cáo, chế độ báo cáo, mẫu biểu báo cáo, mẫu biểu nhập liệu định kỳ trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

3. Kinh phí thiết lập, cập nhật Hệ thống chỉ tiêu báo cáo, chế độ báo cáo, mẫu biểu báo cáo, mẫu biểu nhập liệu định kỳ tại khoản 2 Điều này do các sở, ban, ngành quy định tại khoản 1 Điều này tự bảo đảm trong dự toán chi thường xuyên đã được ngân sách bố trí.

Điều 10. Thiết lập, cập nhật chế độ báo cáo, mẫu biểu báo cáo, mẫu biểu nhập liệu đối với các chế độ báo cáo do các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh UBND cấp huyện ban hành

1. Chế độ báo cáo chuyên đề, đột xuất phục vụ quản lý nhà nước chuyên ngành do các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh ban hành, Chế độ chế độ báo cáo tổng hợp định kỳ về tình hình kinh tế - xã hội phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của cấp huyện do UBND cấp huyện ban hành nếu có nhu cầu ứng dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh, các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép ứng dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh để hỗ trợ công tác quản lý nhà nước.

2. Chế độ báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này có nhu cầu áp dụng trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh phải được các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện ban hành phù hợp với quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg.

3. Sau khi được UBND tỉnh quyết định cho phép ứng dụng, sở, ban, ngành, UBND cấp huyện thiết lập, cập nhật các chế độ báo cáo, mẫu biểu báo cáo, mẫu biểu nhập liệu thông qua chức năng, tiện ích hỗ trợ thiết kế báo cáo động sẵn có của Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

4. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm hướng dẫn sở, ban, ngành, UBND cấp huyện tại khoản 1 Điều này sử dụng chức năng, tiện ích hỗ trợ thiết kế báo cáo động sẵn có của Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

5. Kinh phí thiết lập, cập nhật chế độ báo cáo, mẫu biểu báo cáo, mẫu biểu nhập liệu tại khoản 3 Điều này do các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện quy

định tại khoản 1 Điều này tự bảo đảm trong dự toán chi thường xuyên đã được ngân sách bố trí.

Điều 11. Thiết lập biểu mẫu báo cáo xuất phục vụ yêu cầu quản lý trên cơ sở khai thác, tổng hợp dữ liệu sẵn có trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có thể tự thiết lập biểu mẫu báo cáo chuyên đề, đột xuất phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước trên cơ sở khai thác, tổng hợp dữ liệu sẵn có thông qua chức năng, tiện ích hỗ trợ thiết kế báo cáo động trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

2. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng chức năng, tiện ích hỗ trợ thiết kế báo cáo động để khai thác, tổng hợp dữ liệu sẵn có trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

Điều 12. Nâng cấp Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh

1. Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh thường xuyên được rà soát, báo cáo UBND tỉnh cho phép nâng cấp trong các trường hợp sau:

a) Để đáp ứng yêu cầu của văn bản quy phạm pháp luật hoặc chỉ đạo của Chính phủ và UBND tỉnh về thực hiện chế độ báo cáo tình hình kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành và báo cáo quản lý nhà nước chuyên ngành.

b) Khi có các giải pháp công nghệ, tiện ích kỹ thuật mới, cần thiết được áp dụng hoặc để đáp ứng các yêu cầu thay đổi theo các tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin của Chính phủ và Bộ Thông tin và Truyền thông.

c) Qua tổng hợp các vướng mắc, đề xuất, kiến nghị của các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan nhằm tăng cường sự dễ dàng, tính tiện lợi trong quá trình quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

2. Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện việc theo dõi, tổng hợp các đề xuất, giải pháp về công nghệ, kỹ thuật; các vướng mắc, đề xuất, kiến nghị để báo cáo UBND tỉnh và xây dựng giải pháp, yêu cầu, kế hoạch thực hiện nâng cấp quy định tại Điều này, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 13. Bảo đảm năng lực hạ tầng kỹ thuật, công nghệ cho Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh

1. Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh được bảo đảm các điều kiện về năng lực hạ tầng kỹ thuật, công nghệ để vận hành, khai thác, sử dụng trong phạm vi toàn tỉnh, bảo đảm hoạt động liên tục, thông suốt, ổn định, nhanh chóng, thuận lợi; đáp ứng yêu cầu về tốc độ xử lý, truyền tải thông tin, dữ liệu điện tử.

2. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm theo dõi, đánh giá, tham mưu giải pháp và xây dựng đề án, dự án, dự toán kinh phí thực hiện việc bảo đảm năng lực hạ tầng kỹ thuật, công nghệ cho Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 14. Quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh

1. UBND tỉnh là cơ quan chủ quản Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

2. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Quản lý kỹ thuật, quản trị phần mềm, cơ sở dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật, công nghệ liên quan Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh; đồng thời hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, địa phương khai thác, sử dụng Hệ thống để thực hiện các chế độ báo cáo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành, địa phương rà soát, tham mưu xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh đáp ứng các chức năng, yêu cầu theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông.

c) Tổ chức quản lý, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh, duy trì hoạt động ổn định, thông suốt, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và kết nối, liên thông với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác theo quy định.

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức triển khai ứng dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh để thực hiện báo cáo kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành; tập huấn, chuyển giao quyền quản trị Hệ thống phù hợp cho các cơ quan, đơn vị, địa phương để triển khai các chế độ báo cáo chuyên ngành quản lý nhà nước; tiếp nhận thông tin phản ánh và phối hợp, hỗ trợ xử lý các sự cố phát sinh trên hệ thống.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh theo Chế độ báo cáo tổng hợp định kỳ về tình hình kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh quy định tại Điều 7 Quy chế này.

b) Chủ trì tổng hợp các vướng mắc, bất cập, khả năng đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của các chức năng, tính năng, tiện ích thực hiện chế độ báo cáo, mẫu biểu báo cáo, mẫu biểu nhập liệu được thiết lập, cập nhật trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh theo Chế độ báo cáo tổng hợp định kỳ về tình hình kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh; báo cáo UBND tỉnh và gửi yêu cầu cho Sở Thông tin và Truyền thông để làm cơ sở hoàn thiện Hệ thống.

c) Tổng hợp thông tin, dữ liệu báo cáo tổng hợp toàn tỉnh trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh theo Chế độ báo cáo tổng hợp định kỳ về tình hình kinh

tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu tổng hợp, cung cấp.

d) Thừa ủy quyền Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện ký số xác thực văn bản, thông tin, dữ liệu báo cáo tổng hợp của tỉnh trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh để tích hợp lên Hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia.

4. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm:

a) Xây dựng Quy chế của cơ quan, đơn vị, địa phương về quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh trong thực hiện các chế độ báo cáo quy định tại các Điều 8, 9 và 10 Quy chế này (nếu có).

b) Bố trí bộ phận, cán bộ đầu mối để quản trị Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh theo phân cấp, phân quyền và phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xử lý các sự cố phát sinh trong quá trình vận hành, khai thác, sử dụng.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên của cơ quan, đơn vị, địa phương về kiến thức, kỹ năng khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh và thực hiện chế độ báo cáo trên môi trường mạng.

d) Bảo đảm các điều kiện hạ tầng kết nối mạng, máy tính và các thiết bị liên quan phục vụ quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh; xây dựng, triển khai các phương án, biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng tại cơ quan, đơn vị và phối hợp bảo đảm an toàn thông tin mạng đối với Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh theo quy định tại Quyết định số 13/2020/QĐ-UBND ngày 14/7/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Bình.

đ) Kịp thời báo cáo, phản ánh cho UBND tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông, Sở kế hoạch và đầu tư) về các vướng mắc, bất cập, khả năng đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của các chức năng, tính năng, tiện ích thực hiện chế độ báo cáo, mẫu biểu báo cáo, mẫu biểu nhập liệu được thiết lập, cập nhật trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh để làm cơ sở, xác định yêu cầu hoàn thiện Hệ thống.

5. Bộ phận, cán bộ quản trị Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh của cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm:

a) Tham mưu thực hiện việc khởi tạo, thu hồi, sửa đổi, bổ sung tài khoản và phân quyền quản trị, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh tại cơ quan, đơn vị, địa phương; chủ trì việc quản trị hệ thống chỉ tiêu, chế độ báo cáo, biểu mẫu nhập liệu, biểu mẫu báo cáo thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị mình trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh và đề xuất, tham mưu, tổ chức thực hiện cập nhật, sửa đổi, bổ sung khi cần thiết.

b) Hỗ trợ, hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên của cơ quan, đơn vị, địa phương khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật, nâng cấp, chạy thử phần mềm Hệ thống và xử lý, khắc phục sự cố xảy ra (nếu có).

6. Cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên của cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân tham gia khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh có trách nhiệm:

a) Tự quản lý tài khoản, bảo vệ mật khẩu tài khoản cá nhân; trường hợp mất mật khẩu phải kịp thời báo cáo, đề nghị quản trị Hệ thống cấp lại.

b) Chủ động theo dõi, xử lý các yêu cầu thực hiện báo cáo hoặc tiếp nhận, tổng hợp thông tin báo cáo được phân công; chịu trách nhiệm về nội dung thông tin, dữ liệu trao đổi, cung cấp, báo cáo trên hệ thống bằng tài khoản cá nhân mình.

d) Kịp thời thông báo, phối hợp với bộ phận, cán bộ quản trị Hệ thống của cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc Sở Thông tin và Truyền thông để xử lý các sự cố phát sinh trong quá trình khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh chỉ đạo việc tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh tại các cơ quan hành chính nhà nước, gắn với Chương trình xây dựng chính quyền điện tử, phát triển chính quyền số của tỉnh.

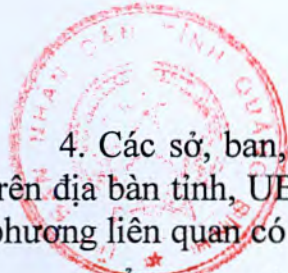
2. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh tham mưu UBND tỉnh bảo đảm các nguồn lực và tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện theo yêu cầu.

b) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị đăng ký cấp phát chứng thư số chuyên dùng Chính phủ đáp ứng yêu cầu ứng dụng ký số báo cáo điện tử trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh xem xét quyết định bố trí nguồn kinh phí xây dựng, triển khai ứng dụng, quản lý, vận hành, nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị phần cứng, phần mềm, sao lưu dữ liệu, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và duy trì hoạt động thường xuyên của Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh và hạ tầng kỹ thuật, công nghệ phục vụ Hệ thống.





4. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các cơ quan nhà nước Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan có trách nhiệm:

a) Tổ chức quán triệt, thực hiện đầy đủ các quy định tại Quy chế này; báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông về tình hình, kết quả thực hiện để tổng hợp, báo cáo theo yêu cầu của UBND tỉnh.

b) Thường xuyên rà soát, đăng ký cấp phát, sửa đổi, bổ sung thông tin, thu hồi chứng thư số chuyên dùng Chính phủ phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế ứng dụng trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu liên quan.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan hành chính nhà nước Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành các quy định tại Quy chế này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh với UBND tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông) để xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

